TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2023/DS-ST
Ngày: 26-7-2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 514/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:258/2023/QĐXXST-DS ngày 08/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Kiều T T, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị K C, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Anh Kiều S Đ, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Kiều T T trình bày: Bà có tham gia góp 02 dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) và ngày 27/11/2012 (âl) do chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ tổ chức làm đầu thảo, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau:

Dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) loại hụi 2.000.000 đồng có 21 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 03/7/2011 (âl), sau đó khui theo vụ lúa, hình thức lĩnh hụi là thành viên dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hụi là sau khi đã mở hụi thì đầu thảo đi gom tiền của hụi viên sau đó giao tiền tại nhà hụi viên được lĩnh hụi. Mỗi người lĩnh hụi thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 1.000.000 đồng/lần hốt. Bà Kiều T T có tham gia 01 phần lấy tên trong danh sách hụi là "*C u h*" đóng hụi sống đầy đủ ở lần khui thứ 1 đến lần khui thứ 13 được số tiền 8.040.000 đồng, đến lần khui thứ 14 thì đầu thảo úp hụi không khui nữa nhưng không hoàn trả tiền hụi sống đã đóng. Nay bà yêu cầu chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ phải có trách nhiệm trả số tiền hụi sống là 8.040.000 đồng và lãi hụi là 15.960.000 đồng, tổng cộng yêu cầu trả số tiền 24.000.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) loại hụi 5.000.000 đồng có 18 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 27/11/2012 (âl), sau đó khui theo vụ lúa, hình thức lĩnh hụi là thành viên dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hụi là sau khi đã mở hụi thì đầu thảo đi gom tiền của hụi viên sau đó giao tiền tại nhà hụi viên được lĩnh hụi. Mỗi người lĩnh hụi thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 2.500.000 đồng/lần hốt. Bà Kiều T T có tham gia 01 phần lấy tên trong danh sách hụi là "*C u h*" đóng hụi sống đầy đủ ở lần khui thứ 1 đến lần khui thứ 10 được số tiền 19.650.000 đồng, đến lần khui thứ 11 thì đầu thảo úp hụi không khui nữa nhưng không hoàn trả tiền hụi sống đã đóng. Nay bà yêu cầu chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ phải có trách nhiệm trả số tiền hụi sống là 19.650.000 đồng và lãi hụi là 30.350.000 đồng, tổng cộng yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng chị K C, anh Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt, phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều T

T, buộc chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền hụi sống đã đóng trong dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) loại hụi 2.000.000 đồng là 8.040.000 đồng và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều T T, buộc chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi sống đã đóng trong dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) loại hụi 5.000.000 đồng là 19.650.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi hụi của nguyên đơn do vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Kiều T T khởi kiện chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ phải trả số tiền hụi sống đã đóng và yêu cầu tính lãi hụi. Dây hụi ngày 27/11/2012, lần khui thứ 1 bắt đầu vào ngày 27/11/2012 sau đó được khui theo vụ lúa, hụi úp ở lần khui thứ 11 (27/4/2015) đến ngày 02/11/2022 bà T khởi kiện; và dây hụi khui ngày 03/7/2011 lần khui thứ 1 bắt đầu vào ngày 03/7/2011 sau đó được khui theo vụ lúa, hụi úp ở lần khui thứ 13 (ngày 03/01/2017) nhưng đến ngày 02/11/2022 bà T mới nộp đơn khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử nhận định lại quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa bà Kiều T T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị K C và anh Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Ngày 04/5/2023 Tòa án đã ra quyết định nhập 02 vụ án về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" thành 01 vụ án thụ lý số: 514/2023/TLST-DS ngày 09/02/2023. Theo các đơn khởi kiện bà T yêu cầu chị K C, anh Đ phải hoàn trả số tiền hụi sống đã đóng 13 lần bằng 8.040.000 đồng và lãi hụi là 15.960.000 đồng trong dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) loại hụi 2.000.000 đồng và yêu cầu trả số tiền hụi sống đã đóng 10 lần bằng số tiền

19.650.000 đồng và lãi hụi là 30.350.000 đồng trong dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) loại hụi 5.000.000 đồng đều do chị K C và anh Đ làm đầu thảo hụi.

[3.1] Đối với chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo yêu cầu của bà Kiều T T nhưng sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã sao gửi toàn bộ các tài liệu chứng cứ có liên quan đến dây hụi để chị K C, anh Đ có ý kiến trình bày hoặc phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà Tcũng như các tài liệu chứng cứ mà bà Tđã giao nộp nhưng chị K C, anh Đ không có ý kiến trình bày do đó Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các tài liệu chứng do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh các hụi viên có tham gia chơi dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) và dây hụi khui ngày 27/11/2012 âl đều thống nhất xác định chị K C và anh Đ có tổ chức khui 02 dây hụi này và bà Tcó tham gia góp 02 dây hụi, về thời gian khui hụi, hình thức tham gia góp hụi, hốt hụi như bà Kiều T T trình bày là đúng và xác nhận dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) đầu thảo có tổ chức khui từ lần thứ 1 đến lần thứ 12, hụi úp ở lần khui thứ 13, đối với dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) đầu thảo có tổ chức khui từ lần thứ 1 đến lần thứ 10, hụi úp ở lần khui thứ 11 (thể hiện ở các bút lục số 53a-53b, 62, 63-64).

[4] Đối với bị đơn anh Kiều S Đ không có ý kiến phản hồi về nội dung bà T khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Chị Huỳnh Thị K C, anh Kiều S Đ là vợ chồng, việc chị K C tổ chức chơi hụi có tiền huê hồng là nhằm để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở buộc chị K C, anh Đ phải có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ cho bà T.

[5] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều T T. Buộc chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền hụi sống đã đóng là 8.040.000 đồng trong dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) loại hụi 2.000.000 đồng và hoàn trả cho bà Kiều T T số tiền hụi sống đã đóng 19.650.000 đồng trong dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) loại hụi 5.000.000 đồng. Tổng cộng buộc chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ phải trả cho bà Kiều T T tổng số tiền hụi sống là 27.690.000 đồng của 02 dây hụi nêu trên. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi hụi của bà Kiều T T do hết thời hiệu khởi kiện.

[6] Xét thấy quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bà Kiều T T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; áp dụng Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị định số:19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều T T.

2. Buộc chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kiều T T tổng số tiền hụi sống là 27.690.000 đồng (số tiền hụi sống đã đóng 12 lần bằng 8.040.000 đồng trong dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) loại hụi 2.000.000 đồng; số tiền hụi sống đã đóng 10 lần bằng 19.650.000 đồng trong dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) loại hụi 5.000.000 đồng do chị K C, anh Đ làm đầu thảo hụi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi hụi số tiền 15.960.000 đồng trong dây hụi khui ngày 03/7/2011 (âl) và yêu cầu tính lãi hụi số tiền 30.350.000 đồng trong dây hụi khui ngày 27/11/2012 (âl) của nguyên đơn.

4. Về án phí: Bà Kiều T T là người cao tuổi trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Huỳnh Thị K C và anh Kiều S Đ phải chịu số tiền 1.384.500 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 70 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký